

Bản án số: **111/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-11-2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Phạm Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Tiến - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: ấp E, xã F, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Phạm Quang N, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: chị và anh Phạm Quang N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện X, tỉnh Đồng Nai, đây là kết hôn đầu của anh chị. Cuộc sống chung của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N ăn nhậu, thiếu trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng ba mẹ, anh em bên vợ. Chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh N không thay đổi. Hiện nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị

yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Thảo G, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 30/9/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Quang N trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Cuộc sống chung của anh chị bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, khoảng 01 năm nay anh đi làm ăn xa, vợ chồng không sống chung với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng thay đổi. Tuy không sống chung nhưng anh vẫn thường ghé thăm các con. Anh vẫn còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị Đ kiên quyết ly hôn thì anh tùy quyết định của chị Đ.

Anh chị có 02 con chung như chị Đ trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu G cho chị Đ nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Đ chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Quang N chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ. Chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Quang N. Về con chung: Giao Phạm Ngọc Thảo G, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 30/9/2014 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Quang N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ

luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N là phù hợp.

Chị Phạm Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Phạm Quang N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị Phạm Thị Đ khai Cuộc sống chung của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N ăn nhậu, thiếu trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng ba mẹ, anh em bên vợ. Chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh N không thay đổi. Anh N trình bày anh còn thương vợ nhưng anh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhưng vắng mặt, cho thấy anh N thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, cháu Phạm Ngọc Thảo G có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Phạm Nhật H còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nên giao các cháu Phạm Ngọc Thảo G và cháu Phạm Nhật H cho chị Đ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: chị Đ không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con do vậy không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Đ và anh N trình bày anh chị không có nợ chung nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Quang N.
2. Về con chung: Phạm Ngọc Thảo G, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 30/9/2014 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Thị Đ không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Phạm Quang N. Anh Phạm Quang N được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Phạm Thị Đ.

Khi cần thiết, chị Phạm Thị Đ và anh Phạm Quang N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.
4. Về nợ chung: không giải quyết.
5. Về án phí: chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Phạm Thị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X theo biên lai thu số 003451 ngày 11/12/2018 được tính trừ vào án phí.

Chị Phạm Thị Đ và anh Phạm Quang N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh